

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **13/2020/HS-ST**

Ngày: 26/3/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Hạnh

Ông Lê Quang Thìn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Tý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 28/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phan Thị T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1990. Nơi sinh: Nghệ An; Nơi thường trú: Tổ 3, khu phố T L, thị trấn T P, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước; Trình độ học vấn: 12/12, Nghề nghiệp: Giáo viên, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không, Giới tính: Nữ; con ông Phan Đình T, sinh năm 1958 và bà Lê Thị X, sinh năm 1960; có chồng tên: Vũ Ngọc H, sinh năm 1987; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; có 02 anh chị ruột, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1985.

- Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1. **Tạ Thị Mỹ L**, sinh năm 1985, địa chỉ: tổ 3, KP T L, thị trấn T P, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

2. **Vũ Ngọc N**, sinh năm 1972, địa chỉ: tổ 3, KP T L, thị trấn T P, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2017 (không xác định được ngày), Phan Thị T muốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 540m² tọa lạc tại tổ 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước của vợ chồng ông Cao Trường G và bà Nguyễn Thị T nhưng ông G và bà T không đồng ý. Tuy nhiên, T vẫn đăng tin rao bán diện tích thửa đất này trên mạng xã hội Facebook. Đến ngày 25/12/2017, T nói với vợ chồng ông Vũ Ngọc N và bà Tạ Thị Mỹ L diện tích thửa đất nói trên là thuộc quyền sử dụng của T. Do tin tưởng T nên ông N và bà L đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích thửa đất nói trên với giá 493.000.000đ (bốn trăm chín mươi ba triệu đồng) và đặt cọc trước cho T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). T lập giấy biên nhận tiền đặt cọc và hẹn đến ngày 08/01/2018 sẽ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N, bà L [bút lục số 41, 80 – 81, 82 – 83].

Quá thời hạn trên, ông N và bà L nhiều lần yêu cầu T thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc trả lại tiền đặt cọc nhưng T không thực hiện. Đến ngày 25/9/2018 ông N và bà L làm đơn tố cáo hành vi của T đến Cơ quan Công an. Quá trình điều tra, Phan Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên [bút lục số 55, 59 – 60, 67 – 68, 69 – 70, 71 – 74].

Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 20 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Phan Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ vẫn nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng đã đề cập và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt Phan Thị T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Vũ Ngọc N và bà Tạ Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo Phan Thị T trả lại số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải trả số tiền trên cho ông N và bà L.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố là đúng hành vi phạm tội của bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại cũng như người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị T thừa nhận: Mặc dù không phải là chủ sử dụng diện tích đất 540m² tọa lạc tại tổ 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú nhưng Phan Thị T vẫn nói với ông Vũ Ngọc N và bà Tạ Thị Mỹ L đây là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của T để chuyển nhượng cho vợ chồng ông N nhằm chiếm đoạt 20.000.000 đồng tiền đặt cọc của ông N và bà L.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vì động cơ vụ lợi, bị cáo Phan Thị T đã có hành vi chiếm đoạt số tiền đặt cọc là 20.000.000 đồng của ông Vũ Ngọc N và bà Tạ Thị Mỹ L.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú đã truy tố.

[3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Thị T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, hiện bị cáo nuôi con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, vận dụng khi quyết định hình phạt.

[6] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Vũ Ngọc N và bà Tạ Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo Phan Thị T trả lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bị cáo đã chiếm đoạt, Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên nên cần buộc bị cáo phải trả số tiền trên cho ông N và bà L.

[8] Đối với số tiền 540.000.000đồng, tại phiên tòa bị cáo khai nhận khi mượn

số tiền trên của vợ chồng ông Vũ Ngọc N và bà Tạ Thị Mỹ L thì bị cáo không còn khả năng trả nợ về tài sản mà mượn tiền để trả nợ cho các chủ nợ khác. Xét thấy hành vi trên có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên cần kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Phan Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Phan Thị T 01(một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự Buộc bị cáo Phan Thị T phải trả cho ông Vũ Ngọc N và bà Tạ Thị Mỹ L số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự , điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phan Thị T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo đối với số tiền 540.000.000đồng xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THADS huyện Đồng Phú;
- CA huyện Đồng Phú (03 bản);
- TT LLTP- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hùng

